CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 13/SONGLANH/2024

I. Thông tin về tổ chức công bố sản phẩm:

Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KINH DOANH VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SỐNG LÀNH**

Địa chỉ: Xóm 18, xã Kim Bình, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Điện thoại: 1800646800 E-mail: a2milk.careline@Livewellnow.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0700886866

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: SỮA BỘT TÁCH BÉO a2 ^{TM} SKIM

2. Thành phần: Sữa tách béo.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 22 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong túi nhựa tráng nhôm, đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm của Bộ Y tế.

Quy cách đóng gói: khối lượng tịnh: 1 kg/túi hoặc có thể thay đổi theo quy cách của nhà sản xuất.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất/đóng gói tại: New Zealand Nutritional Wellness Limited

Địa chỉ: 126 Pavilion Drive, Airport Oaks, Auckland 2022, New Zealand. MPI registration number: 1260

Sản phẩm của: A2 Infant Nutrition Limited

Địa chỉ: Level 17, 51 Shortland Street, Auckland 1010, New Zealand.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Xem mẫu nhãn đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm: Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 5-2:2010/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng bột

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nam, ngày 15 tháng 11 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

M.S.D.N: 0700886866 - C.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KINH DOANH VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SỐNG LÀNH
TỈNH HÀ NAM

GIÁM ĐỐC

Đàm Thu Quỳnh

NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: SỮA BỘT TÁCH BÉO a2 ^{TM} SKIM

Thành phần: Sữa tách béo 100%.

Thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng:

Năng lượng (Energy)	37kcal/100ml
Chất đạm (Protein)	3.3g/100ml
Carbohydrat (Carbohydrate)	5.5g/100ml
Chất béo (Total Fat)	0.08g/100ml
Natri (Sodium)	29mg/100ml

Lưu ý:

- **Sản phẩm có chứa sữa.**
- Phù hợp cho người ăn chay.
- Không phù hợp là nguồn sữa thay thế hoàn toàn cho trẻ dưới 2 tuổi.

Hướng dẫn sử dụng và pha sữa:

Để pha 1 cốc (250 ml):	Để pha 1 lít:
1. Chuẩn bị 125 ml (tương đương 1/2 cốc) nước nóng hoặc lạnh;	1. Lấy 500 ml (tương đương 2 cốc) nước nóng hoặc lạnh;
2. Thêm 25g (tương đương ¼ cốc*) sữa bột;	2. Thêm 100g (tương đương 1 cốc) sữa bột;
3. Khuấy cho tan đều;	3. Khuấy cho tan đều;
4. Thêm nước cho đầy 1 cốc sữa pha.	4. Thêm nước đến đủ 1 lít sữa pha.

*Bột có thể bị nén. Đong sữa theo khối lượng để chính xác nhất.

Để đạt hiệu quả pha sữa tốt nhất, cho bột vào nước, không đổ nước vào bột. Luôn sử dụng thìa khô để đong sữa bột.

Muốn tăng vị sữa và hàm lượng canxi sữa, pha thêm lượng sữa bột. Để tăng hương vị tự nhiên của sữa đã pha, hãy bảo quản sữa đã pha trong ngăn mát tủ lạnh qua đêm trước khi uống.

Hướng dẫn bảo quản:

- Để duy trì chất lượng sản phẩm, đóng chặt túi zip sau mỗi lần sử dụng.
- Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
- Sử dụng sản phẩm trong vòng 3 tuần kể từ khi mở túi.
- Sữa đã pha, bảo quản trong ngăn mát tủ lạnh ở nhiệt độ 4°C và sử dụng trong vòng 3 ngày.

Thông tin cảnh báo:

- **KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI ĐÃ QUÁ HẠN HOẶC BAO BÌ SẢN PHẨM CÓ DẤU HIỆU HƯ HỎNG**
- **LỜI KHUYÊN VỀ CHẤT GÂY DỊ ỨNG: ĐỐI VỚI CHẤT GÂY DỊ ỨNG, HÃY XEM CÁC THÀNH PHẦN IN ĐẬM**

Ngày sản xuất: Xem ngày tháng năm trên bao bì (DD/MM/YYYY)

Hạn sử dụng: Xem ngày tháng năm trên bao bì (DD/MM/YYYY)

Khối lượng tịnh: 1 kg/túi

Xuất xứ: New Zealand

Sản xuất/đóng gói tại: New Zealand Nutritional Wellness Limited

Địa chỉ: 126 Pavilion Drive, Airport Oaks, Auckland 2022, New Zealand. Số đăng ký MPI: 1260

Sản phẩm của: A2 Infant Nutrition Limited

Địa chỉ: Level 17, 51 Shortland Street, Auckland 1010, New Zealand.

TỔ CHỨC TỰ CÔNG BỐ VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM SẢN PHẨM: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KINH DOANH VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SỐNG LÀNH

Địa chỉ: Xóm 18, xã Kim Bình, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

TỔ CHỨC NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI SẢN PHẨM: CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP THỊ VÀ PHÂN PHỐI SỐNG LÀNH

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp Tây, tòa nhà Hancorp Plaza, số 72 Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

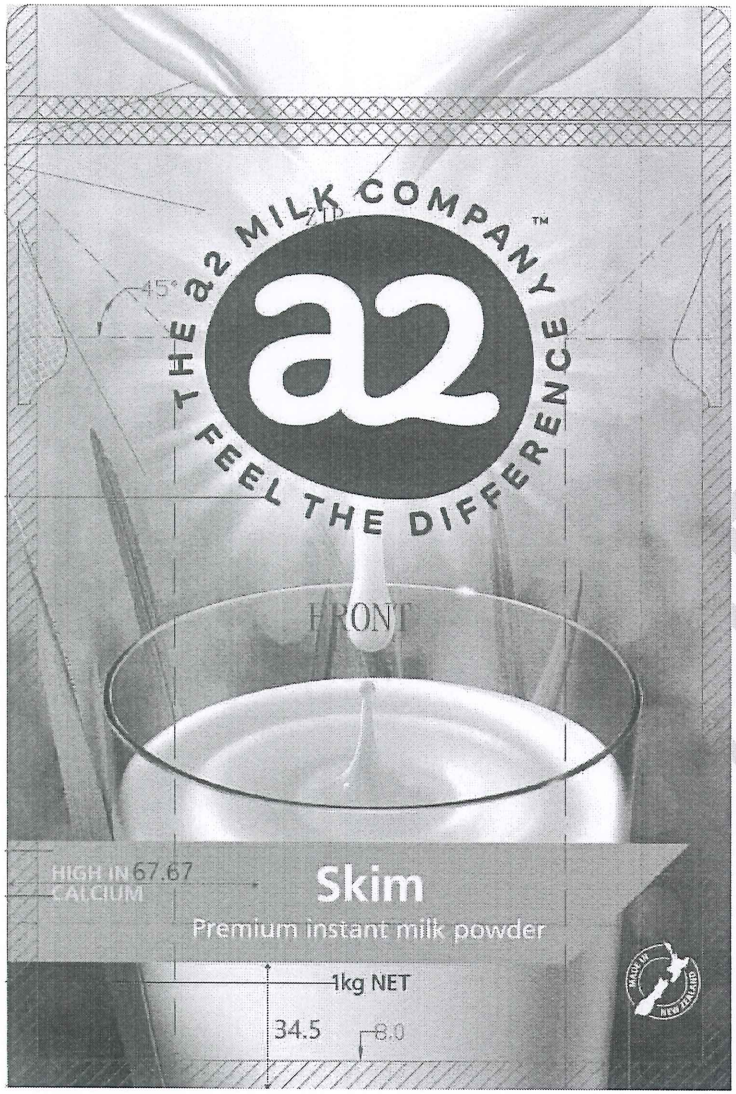
Careline: 1800646800

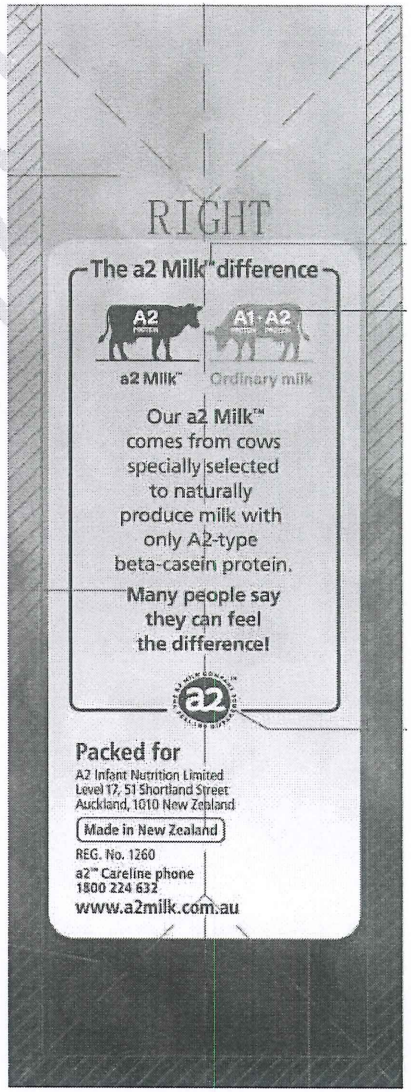
Email: a2milk.careline@Livewellnow.com.vn

Website: www.a2milk.com.au hoặc https://a2milk.vn

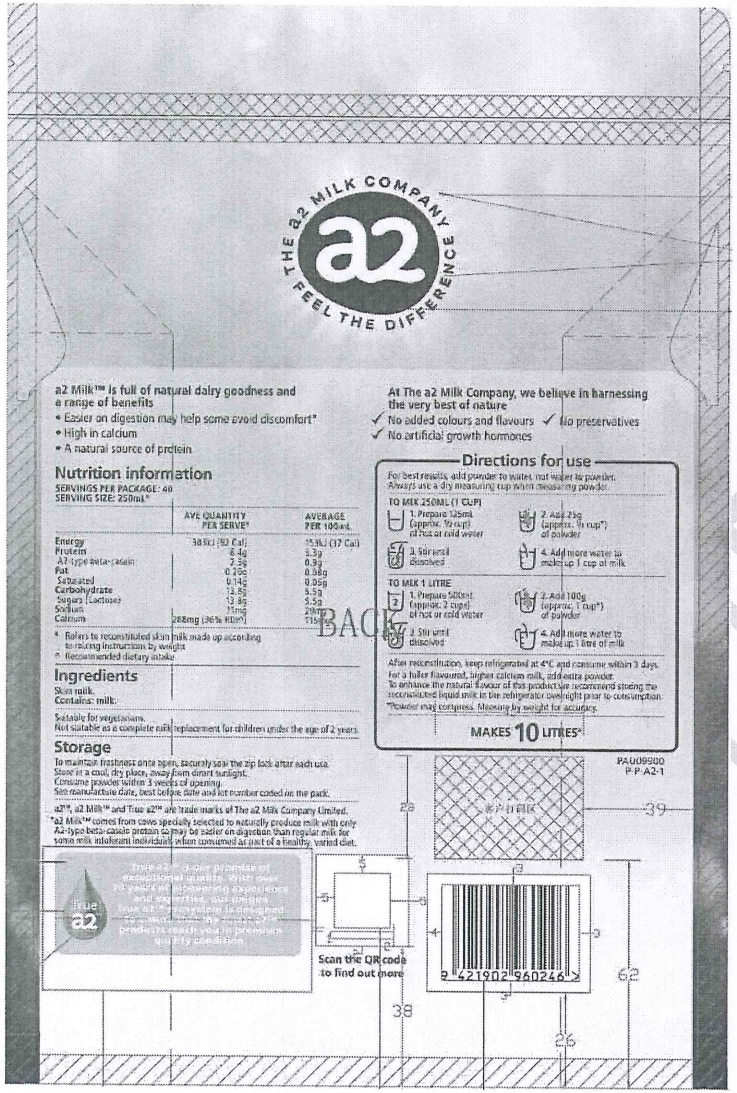
a2™, a2 Milk™ và True a2™ là các nhãn hiệu thương mại của The a2 Milk Company Limited.

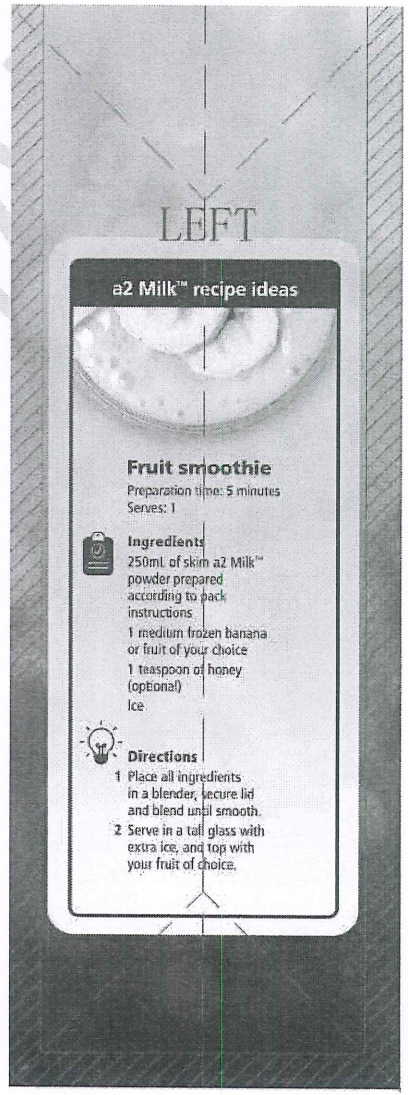
Confidential
Properties of The a2 Milk Company Ltd.





Confidential
Properties of The a2 Milk Company Ltd.





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: BBE22410109084-2

Tên khách hàng/ *Client's Name* : **CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KINH DOANH VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SÓNG LÀNH**

Địa chỉ/ *Client's Address* : Xóm 18, xã Kim Bình, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Ngày nhận mẫu/ *Date sample(s) received* : 16/10/2024

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 16/10/2024 - 21/10/2024

Ngày trả kết quả/ *Date of Issue* : 21/10/2024

Thông tin mẫu/ *Name of Sample* : **SỮA BỘT TÁCH BÉO a2 SKIM**

Mô tả mẫu/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong bao bì kín

Bảng kết quả/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
2	Thiếc (Sn) (*) / Tin (Sn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.5)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
3	Enterobacteriaceae (*) / Enterobacteriaceae (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	ISO 21528-2:2017
4	Staphylococci dương tính với coagulase (*) / Staphylococci positve coagulase (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1:1999/Amd 1:2003)
5	Listeria monocytogenes (*) / Listeria monocytogenes (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	ISO 11290-2:2017
6	Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
7	Aflatoxin M1 (*) / Aflatoxin M1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.007)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/051 (Ref. TCVN 6685:2009)
8	Benzylpenicillin (Penicillin G) (*) / Benzylpenicillin (Penicillin G) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 3)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/102 (Ref. TCVN 12284:2018)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: BBE22410109084-2

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
9	Penicillin G Procaine (Procaine benzylpenicillin) (*) / Penicillin G Procaine (Procaine benzylpenicillin) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 3)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/102 (Ref. TCVN 12284:2018)
10	Chlortetracycline (*) / Chlortetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/036 (Ref. AOAC 2008.09)
11	Oxytetracycline (*) / Oxytetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/036 (Ref. AOAC 2008.09)
12	Tetracycline (*) / Tetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/036 (Ref. AOAC 2008.09)
13	Dihydrostreptomycin / Dihydrostreptomycin	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	mg/kg	AVA-KN-PP.SK/108
14	Streptomycin / Streptomycin	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	mg/kg	AVA-KN-PP.SK/108
15	Gentamicin / Gentamicin	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	mg/kg	AVA-KN-PP.SK/108
16	Spiramycin (*) / Spiramycin (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 1.5)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/103
17	Endosulfan (Tổng của Endosulfan alpha và Endosulfan beta) / Endosulfan (Sum of Endosulfan alpha and Endosulfan beta)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.0015)	mg/kg	AVA-KN-PP.SK/127 (Ref. AOAC 2007.01)
18	Aldrin / Aldrin	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/kg	AVA-KN-PP.SK/048 (Ref. AOAC 2007.01)
19	Dieldrin (*) / Dieldrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.0015)	mg/kg	AVA-KN-PP.SK/048 (Ref. AOAC 2007.01)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: BBE22410109084-2

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
20	Cyfluthrin / Cyfluthrin	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/kg	AVA-KN-PP.SK/048 (Ref. AOAC 2007.01)
21	DDT (Tổng của 2,4 - DDT và 4,4 - DDT) / DDT (Sum of 2,4 - DDT and 4,4 - DDT)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.0015)	mg/kg	AVA-KN-PP.SK/127 (Ref. AOAC 2007.01)

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:

- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 CFU/g ; <10 CFU/ml ; <10 CFU/swab (mẫu) ; <1 CFU/0.1g ; <1 CFU/0.1ml ; <10 CFU/0.1g ; <10 CFU/0.1ml ; <1 CFU/ml ; <5 CFU/g ; <2 CFU/g khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 CFU/g ; <10 CFU/ml ; <10 CFU/swab (mẫu) ; <1 CFU/0.1g ; <1 CFU/0.1ml ; <10 CFU/0.1g ; <10 CFU/0.1ml ; <1 CFU/ml ; <5 CFU/g ; <2 CFU/g when the dish contains no colony.
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 CFU/thể tích mẫu kiểm ; <1 CFU/khối lượng mẫu kiểm (đối với các nền mẫu nước đá) khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 CFU/sample volume tested ; <1 CFU/sample weight tested (for ice sample) when the dish contains no colony.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT TECHNICAL MANAGER	PHÓ GIÁM ĐỐC DEPUTY DIRECTOR
BÙI TÂN BÌNH	TRẦN HOÀNG VINH